

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số 06-L/CTN ngày 08/08/1998 công bố Pháp lệnh về người tàn tật.

CHỦ TỊCH NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh về người tàn tật

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X thông qua ngày 30 tháng 07 năm 1998./

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

PHÁP LỆNH về người tàn tật

(số 06/1998/PL-UBTVQH10 ngày 30/07/1998)

Bảo vệ, chăm sóc và tạo điều kiện cho người tàn tật hòa nhập cộng đồng là những hoạt động có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội và nhân văn sâu sắc, là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta;

Căn cứ vào Điều 59, Điều 67 và Điều 91 của

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 2 về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 1998;

Pháp lệnh này quy định trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội đối với người tàn tật; quyền và nghĩa vụ của người tàn tật.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Người tàn tật theo quy định của Pháp lệnh này không phân biệt nguồn gốc gây ra tàn tật là người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

Điều 2. Người tàn tật là thương binh, bệnh binh được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của "Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng" được Nhà nước và xã hội tôn vinh, ngoài việc được hưởng chế độ ưu đãi riêng của Nhà nước theo pháp luật, còn được hưởng những quyền lợi trong Pháp lệnh này mà chế độ ưu đãi riêng chưa quy định.

Điều 3.

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người tàn tật thực hiện bình đẳng các quyền về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và phát huy khả năng của mình để ổn định đời sống, hòa nhập cộng đồng, tham gia các hoạt động xã hội.

2. Người tàn tật được Nhà nước và xã hội trợ giúp, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, tạo việc làm phù hợp và được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Trẻ em tàn tật, người tàn tật do hậu quả của chất độc da cam (dioxin) trong chiến tranh được

Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm bảo vệ, chăm sóc.

3. Người tàn tật có trách nhiệm khắc phục khó khăn để hòa nhập cộng đồng, tuân thủ pháp luật, trật tự công cộng và tôn trọng đạo đức xã hội.

Điều 4.

1. Cha mẹ, các thành viên khác trong gia đình, người giám hộ của người tàn tật có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giúp đỡ người tàn tật phục hồi chức năng, học tập, lao động và tham gia sinh hoạt xã hội.

2. Người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội trợ giúp, chăm sóc, nuôi dưỡng tại nơi cư trú hoặc tại các cơ sở xã hội của Nhà nước, của các tổ chức xã hội.

3. Người tàn tật nặng tuy có người thân thích nhưng già yếu, gia đình nghèo không đủ khả năng kinh tế để chăm sóc thì được hưởng trợ cấp xã hội.

Điều 5.

1. Hàng năm, Nhà nước dành một khoản ngân sách và vận động xã hội để trợ giúp người tàn tật trong việc khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, tạo việc làm, tự ổn định đời sống.

2. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia các hoạt động xã hội - từ thiện trợ giúp người tàn tật với các hình thức phù hợp.

Điều 6. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm thực hiện các chương trình và biện pháp phòng ngừa tàn tật; phòng chống các loại thảm họa và hạn chế nguy cơ phát sinh tàn tật.

Điều 7.

1. Người tàn tật được thành lập, gia nhập, hoạt

động trong các tổ chức xã hội, các hiệp hội sản xuất, kinh doanh của người tàn tật theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được thành lập, gia nhập các tổ chức bảo trợ người tàn tật theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác có trách nhiệm vận động nhân dân thực hiện Pháp lệnh về người tàn tật; tham gia vào việc tổ chức chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người tàn tật, nhất là đối với trẻ em tàn tật; giám sát việc thi hành pháp luật đối với người tàn tật và kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước hữu quan về việc bảo vệ, chăm sóc người tàn tật.

Điều 9. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử, ngược đãi người tàn tật, xâm phạm thân thể, nhân phẩm, danh dự của người tàn tật; lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc người tàn tật và lợi dụng tổ chức của người tàn tật để thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ HỖ TRỢ NUÔI DƯỠNG NGƯỜI TÀN TẬT

Điều 10.

1. Người tàn tật được phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

2. Người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa, người tàn tật nghèo được Nhà nước bảo đảm khám chữa bệnh miễn phí.

3. Người mắc bệnh tâm thần thể nặng gây nguy hiểm cho xã hội phải được điều trị bắt buộc tại các cơ sở chữa bệnh tâm thần.

Điều 11.

1. Người tàn tật được phục hồi chức năng và cung cấp các dịch vụ chính hình cần thiết do cơ quan chuyên môn thực hiện kết hợp với sự tham

gia của cộng đồng. Người tàn tật nghèo được cấp phát không phải trả tiền hoặc được hỗ trợ một phần kinh phí hoặc được hướng dẫn làm các dụng cụ trợ giúp về phục hồi chức năng thông thường.

2. Người tàn tật, gia đình người tàn tật được cơ quan y tế hướng dẫn về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, sử dụng các dụng cụ chỉnh hình.

Điều 12.

1. Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với các tổ chức xã hội tổ chức các hình thức nuôi dưỡng thích hợp để thu nhận những người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa.

2. Mức trợ cấp hàng tháng đối với người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa do Chính phủ quy định.

Trong trường hợp người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa bị chết được Nhà nước hỗ trợ tiền mai táng.

3. Kinh phí nuôi dưỡng người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa được trích từ ngân sách các cấp, từ khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và từ các nguồn khác.

4. Người chăm sóc người tàn tật nặng trong các cơ sở xã hội của Nhà nước được hưởng phụ cấp phục vụ người tàn tật nặng bằng 30% mức lương theo ngạch, bậc.

Điều 13. Nhà nước hỗ trợ các dự án nghiên cứu khoa học về người tàn tật, đào tạo chuyên gia về phục hồi chức năng cho người tàn tật.

Các cơ sở sản xuất dụng cụ, thiết bị trợ giúp cho sinh hoạt, học tập và lao động của người tàn tật được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của Chính phủ từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm.

Điều 14.

1. Nhà nước khuyến khích sản xuất các loại dụng cụ, thiết bị trợ giúp cho sinh hoạt, học tập và lao động của người tàn tật, nhất là việc sản xuất có sử dụng vật liệu và công cụ sản xuất của địa phương.

2. Các tài liệu, dụng cụ, thiết bị chuyên dùng cho nghiên cứu khoa học, viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, nhập khẩu để sử dụng cho người tàn tật hoặc được các tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi tặng, trợ giúp nhân đạo cho người tàn tật được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế.

Chương III

HỌC VĂN HÓA ĐỐI VỚI NGƯỜI TÀN TẬT

Điều 15. Học sinh là người tàn tật được nhà trường xét giảm hoặc miễn học phí và các khoản đóng góp khác cho nhà trường, được hưởng trợ cấp xã hội và được xét cấp học bổng theo chế độ của Nhà nước.

Điều 16.

1. Việc học tập của trẻ em tàn tật được tổ chức, thực hiện bằng các hình thức học hòa nhập trong các trường phổ thông, trường chuyên biệt dành cho người tàn tật, cơ sở nuôi dưỡng người tàn tật và tại gia đình.

2. Học sinh tàn tật có năng khiếu được ưu tiên tiếp nhận vào học tại các trường năng khiếu tương ứng.

3. Giáo viên dạy các trường lớp chuyên biệt dành cho người tàn tật được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

Điều 17.

1. Học sinh là người tàn tật trong các cơ sở giáo dục, nuôi dưỡng nội trú được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ.

2. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân mở trường, lớp dành riêng cho người tàn tật.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có chương trình dự án giúp đỡ về tài chính, chuyên môn, kỹ thuật đối với việc giáo dục kết hợp với phục hồi chức năng cho người tàn tật ở Việt Nam.

*Chương IV***HỌC NGHỀ VÀ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI
NGƯỜI TÀN TẬT****Điều 18.**

1. Nhà nước, các cơ sở dạy nghề, các tổ chức kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho người tàn tật được lựa chọn nghề, học nghề, tự tạo việc làm, làm việc tại nhà, phù hợp với sức khỏe và khả năng lao động của mình.

Người tàn tật học nghề được giảm hoặc miễn học phí, được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế thu nhận người tàn tật vào học nghề, làm việc và tạo việc làm cho người tàn tật được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 19. Cơ sở dạy nghề thu nhận người tàn tật vào học nghề, cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật được xét giảm, miễn thuế, được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo dự án dạy nghề, được địa phương giao hoặc cho thuê đất tại những địa điểm thuận lợi cho việc tổ chức dạy nghề; được Chính phủ hỗ trợ ngân sách xây dựng trường, lớp, mua sắm thiết bị, phương tiện dạy học, đào tạo giáo viên.

Điều 20.

1. Người tàn tật tự tạo việc làm và làm việc tại nhà được vay vốn với lãi suất ưu đãi; được chính quyền địa phương giúp đỡ về chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sản xuất và kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm.

2. Các Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm giúp đỡ, giảm hoặc miễn phí đối với những người tàn tật có nhu cầu hướng nghiệp, tư vấn nghề, học nghề và tìm việc làm.

Điều 21.

1. Cơ quan hành chính, sự nghiệp không được từ chối nhận người tàn tật vào làm việc khi người

tàn tật đó đủ tiêu chuẩn để được tuyển chọn làm công việc phù hợp mà cơ quan có nhu cầu tuyển dụng.

2. Việc nhận người tàn tật vào làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi hình thức sở hữu được thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

3. Khi sử dụng lao động là người tàn tật, người sử dụng lao động phải thực hiện những quy định của Bộ luật lao động và các quy định riêng đối với lao động là người tàn tật.

Điều 22. Cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người tàn tật được miễn thuế, được vay vốn với lãi suất thấp theo dự án phát triển sản xuất kinh doanh, được xét cho vay vốn hoặc hỗ trợ vốn từ Quỹ việc làm dành cho người tàn tật, được địa phương cho mượn hoặc thuê đất tại nơi thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh.

Điều 23.

1. Vốn của cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người tàn tật được hình thành từ các nguồn vốn của các thành viên đóng góp, vốn được Quỹ việc làm dành cho người tàn tật hỗ trợ hoặc cho vay theo dự án được duyệt; vốn góp cổ phần của các cá nhân, tổ chức, vốn tài trợ từ thiện của tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài.

2. Vốn do Nhà nước cấp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trợ giúp cho cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật phải được quản lý, sử dụng nhằm phục vụ lợi ích chung của tập thể những người tàn tật không được chia cho cá nhân.

*Chương V***HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ
THAO VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH
CÔNG CỘNG CỦA NGƯỜI TÀN TẬT**

Điều 24. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện thuận lợi để người tàn tật phát huy các tiềm năng sáng tạo về văn học, nghệ thuật, thể thao, khoa

học, kỹ thuật; tham gia sáng tác, biểu diễn, thi đấu trong nước, quốc tế và các hoạt động văn hóa, thể thao khác phù hợp với khả năng và sức khỏe.

Điều 25. Các cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao phải tạo điều kiện thuận lợi, ưu tiên trợ giúp người tàn tật có nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao; trang bị kỹ thuật, phương tiện thích hợp và trợ giúp có hiệu quả việc luyện tập những môn thể thao đặc biệt dành riêng cho người tàn tật.

Điều 26. Việc đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo công trình nhà ở, các công trình công cộng và thiết kế, chế tạo các dụng cụ sinh hoạt, các phương tiện giao thông, liên lạc phải tính đến nhu cầu sử dụng thuận tiện của người tàn tật, trước hết là người tàn tật các dạng vận động, thị giác, đồng thời phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ, CHĂM SÓC NGƯỜI TÀN TẬT

Điều 27. Quản lý nhà nước đối với việc bảo vệ, chăm sóc người tàn tật bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Ban hành, sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về người tàn tật và chính sách, chế độ đối với người tàn tật;

2. Phân loại các dạng tật, quy định mức độ tàn tật, thống kê số lượng, cơ cấu người tàn tật theo các dạng tật, mức độ và nguyên nhân tàn tật làm cơ sở hoạch định chính sách và các biện pháp phòng ngừa tàn tật và trợ giúp người tàn tật;

3. Lập và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về xã hội hóa việc trợ giúp người tàn tật;

4. Quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc người tàn tật;

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với người tàn tật;

6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về người tàn tật, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về vi phạm chính sách, chế độ đối với người tàn tật;

7. Khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật về người tàn tật.

Điều 28.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc người tàn tật trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc người tàn tật.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc người tàn tật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc người tàn tật ở địa phương.

Điều 29. Chính phủ chỉ đạo các ngành, các cấp lập chương trình phòng ngừa tàn tật và trợ giúp người tàn tật, nhất là người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không nơi nương tựa, người tàn tật nghèo, người tàn tật ở nông thôn, miền núi và nơi xa xôi hẻo lánh.

Điều 30.

1. Quỹ nhân đạo trợ giúp người tàn tật được hình thành dưới nhiều hình thức đa dạng, bằng tiền hoặc bằng hiện vật, tiếp nhận các khoản viện trợ nhân đạo hoặc từ thiện của nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ cho quỹ để tăng thêm nguồn kinh phí trợ giúp người tàn tật.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên vận động các tầng lớp nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội xây dựng Quỹ nhân đạo trợ giúp người tàn tật trên nguyên tắc tự nguyện.

Chính phủ quy định việc thành lập và hoạt động của Quỹ nhân đạo trợ giúp người tàn tật.

Điều 31. Ngày 18 tháng 4 hàng năm được lấy làm Ngày bảo vệ, chăm sóc người tàn tật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc bảo vệ, chăm sóc người tàn tật hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về người tàn tật và người tàn tật có thành tích trong học tập, lao động và hoạt động xã hội được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 33. Người có hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh này, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tàn tật; người có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc người tàn tật mà thoái thác trách nhiệm, ngược đãi người tàn tật; người lợi dụng sự tàn tật của người khác; người tàn tật lợi dụng sự tàn tật của mình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34.

1. Người tàn tật là người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam được áp dụng một số điều trong Pháp lệnh này theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

2. Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 1998.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 35. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T/M Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ QUYẾT của Chính phủ số 10/1998
NQ-CP ngày 06/08/1998 phiên họp
Chính phủ thường kỳ tháng 7
năm 1998.**

Trong 3 ngày 29, 30, 31 tháng 7 năm 1998, Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 7 năm 1998 thảo luận và quyết nghị các vấn đề sau:

1- Về Dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Chính phủ đã nghe Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính trình bày tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 1993. Chính phủ khẳng định Luật Đất đai năm 1993 đã có tác dụng to lớn trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần sản xuất thêm nhiều sản phẩm cho xã hội, cải thiện đời sống nhân dân... Tuy vậy còn có một số vấn đề chưa được Luật quy định cụ thể, gây khó khăn ách tắc cho quá trình phát triển trong cơ chế mới; một số quy định chưa rõ ràng, dễ tạo kẽ hở phát sinh tiêu cực... Bước sang giai đoạn phát triển mới, một số quy định của Luật cần được sửa đổi, bổ sung để vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, tạo ra cơ chế năng động phát huy hơn nữa hiệu quả sử dụng đất, khai thác tiềm năng về đất đai, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nội lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vừa giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quản lý nhà nước về đất đai.

www.ThuvienPhapLuat.com
Tel: 84-8-3845 6884 * 0915513